

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ TỘI LÀM GIẢ CON DẤU, TÀI LIỆU CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC; TỘI SỬ DỤNG CON DẤU HOẶC TÀI LIỆU GIẢ CỦA CƠ QUAN TỔ CHỨC

NGUYỄN THỊ LAN ANH\* – NGUYỄN THỊ KIM THO\*

*Thời gian gần đây, các vụ án về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức có dấu hiệu gia tăng cả về số lượng, tính chất nguy hiểm, thủ đoạn thực hiện hành vi... Trong bài viết này, các tác giả đưa ra quan điểm để góp phần nhận thức chính xác, từ đó giải quyết hiệu quả đối với vụ án hình sự về Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.*

*Từ khóa: Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức; Bộ luật Hình sự năm 2015.*

*Ngày nhận bài: 27/12/2021; Biên tập xong: 14/01/2022; Duyệt đăng: 21/02/2022*

Recently, cases of fabricating an organization's seal or documents and use thereof has shown signs of increasing in both quantity, dangerous nature, tricks to perform acts... In this article, the authors give views to contribute to correct awareness, thereby effectively solving the criminal case of fabricating an organization's seal or documents and use thereof.

Keywords: Fabricating an organization's seal or documents and use thereof; the 2015 Penal Code.

## 1. Nhận thức chung về Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

Điều 341 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 quy định về 02 tội danh gồm: Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức.

Làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức là hành vi làm ra con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức giống với con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thật của cơ quan, tổ chức đó hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân.

Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là hành vi sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giống với con dấu, tài

liệu hoặc giấy tờ thật của cơ quan, tổ chức đó hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân.

Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 341 BLHS có các yếu tố cấu thành tội phạm như sau:

### *- Về khách thể của tội phạm:*

Hành vi phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính.

*\* Thạc sĩ, Phó Trưởng Khoa Đào tạo bồi dưỡng cán bộ kiểm sát, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội*

*\*\* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội*

**- Về mặt khách quan của tội phạm:**

Người phạm tội có hành vi làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức như: Hành vi đúc, khắc... để tạo ra con dấu giả giống như con dấu của cơ quan, tổ chức đang sử dụng (tức dấu thật) vào những việc trái pháp luật (như sử dụng để làm các loại giấy tờ giả mạo...).

Có hành vi làm giả tài liệu, giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức: Là hành vi viết, vẽ, in... các loại giấy tờ, tài liệu giả giống như các loại tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức đang sử dụng để sử dụng vào những việc trái pháp luật (như làm giả các tài liệu công nhận con liệt sĩ để hưởng các ưu đãi của Nhà nước...). Đúc, in, vẽ, khắc, viết, phô tô... giống như thật.

Hành vi sử dụng các giấy tờ thật có chữ ký, con dấu, mẫu giấy thật nhưng tên người trong các tài liệu, giấy tờ đó là giả hoặc đối tượng được nêu trong các tài liệu đó không phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi sử dụng con dấu giả, tài liệu giả hoặc giấy tờ giả khác của cơ quan, tổ chức nhằm để lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân.

Các cơ quan Nhà nước, tổ chức phải là những cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp.

**- Mặt chủ quan của tội phạm:**

*Về lỗi:* Người phạm tội này thực hiện hành vi của mình là do cố ý, tức là người phạm tội biết hành vi làm con dấu, tài liệu hoặc các giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức là hành vi làm giả và sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả đó để lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân nhưng vẫn thực hiện, mong muốn hoặc để mặc cho hậu quả xảy ra hoặc không cần biết hậu quả của hành vi đó như thế nào.

*Về động cơ phạm tội:* Động cơ phạm tội cũng không phải là dấu hiệu bắt buộc nhưng việc xác định động cơ của người

phạm tội là rất quan trọng. Nếu vì nể nang, vì thành tích cục bộ thì tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội khác với trường hợp vì lợi ích vật chất hoặc vì trả thù cá nhân hay vì một động cơ hèn hạ khác.

**- Về chủ thể của tội phạm:**

Chủ thể của tội này là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ 16 tuổi trở lên.

**2. Một số khó khăn, vướng mắc trong thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức**

Trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, chúng tôi nhận thấy có một số khó khăn, vướng mắc như sau:

*Thứ nhất,* khó khăn, vướng mắc trong hoạt động xác định tội danh đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

*Một là,* vướng mắc trong việc xác định trường hợp một người thực hiện hành vi làm giả và sử dụng tài liệu giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thường gặp và khá phổ biến trong công tác giải quyết các vụ án hình sự. Tuy BLHS năm 2015 quy định khá rõ ràng, và đây không phải những hành vi mới xuất hiện, nhưng thực tiễn xét xử cho thấy vẫn còn nhiều ý kiến băn khoăn và không thống nhất khi xác định tội danh trong các vụ án cụ thể.

Hành vi phổ biến là người phạm tội sử dụng giấy tờ giả hoặc làm giả và sử dụng giấy tờ này để gian dối và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng còn những ý kiến khác nhau khi xác định tội danh. Có

quan điểm cho rằng, bị cáo chỉ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do hành vi sử dụng giấy tờ giả được thu hút vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đó được coi là thủ đoạn gian dối để đạt được mục đích chiếm đoạt. Quan điểm khác thì cho rằng, bị cáo ngoài tội danh trên còn phải bị xét xử về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” do hành vi sử dụng giấy tờ giả đã cấu thành tội danh độc lập. Có quan điểm nêu, bị cáo phải bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” mới đúng và đầy đủ.

Hai là, vướng mắc trong việc xác định nội dung “sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật” trong khoản 1 Điều 341 BLHS. Điển hình như đối với hành vi một người đặt mua (thuê người khác làm) tài liệu giả (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận đăng ký xe...), sau đó sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật, còn nhiều quan điểm khác nhau. Quan điểm thứ nhất: Khởi tố về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Quan điểm thứ hai: Khởi tố về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Quan điểm thứ ba: Khởi tố về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Ngoài ra, theo khoản 1 Điều 341 BLHS quy định: “Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm”. Vấn đề này hiện nay có 2 luồng quan điểm như sau: Quan điểm thứ nhất, thực hiện hành vi trái pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS năm 2015 chỉ gắn với hành vi sử dụng con

dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả, không gắn với hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Do vậy, hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức không bắt buộc phải gắn với yếu tố thực hiện hành vi trái pháp luật thì cũng có thể bị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự. Quan điểm thứ hai, thực hiện hành vi trái pháp luật gắn với 02 hành vi làm giả và sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức chỉ thỏa mãn Điều 341 BLHS khi việc làm giả, và sử dụng con dấu, tài liệu giả phải thực hiện hành vi trái pháp luật. Điều này gây không ít khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xác định tội danh để khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với người phạm tội.

**Thứ hai**, khó khăn, vướng mắc trong việc xác định số lượng giấy tờ giả để định khung hình phạt.

Việc tính số lượng con dấu, tài liệu giả để xác định tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 341 BLHS, thực tiễn đã xảy ra trường hợp: Thông qua mạng xã hội, đối tượng A đã đặt làm giả 02 Bằng tốt nghiệp và 02 Bảng điểm của trường Đại học X mang tên mình và mang tên Nguyễn Thị L. Sau khi nhận được bằng và bảng điểm giả, A tiếp tục mang đến Ủy ban nhân dân (UBND) phường để chứng thực “Sao y bản chính” đối với Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm của mình, mỗi loại 02 bản (tổng cộng 04 bản) mục đích để làm hồ sơ dự thi tuyển công chức. Do không có thiết bị kiểm tra nên Chủ tịch UBND phường đã ký và đóng dấu chứng thực “sao đúng với bản chính” đối với Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm của Nguyễn Văn A. Khi vụ án bị phát hiện, Cơ quan điều tra (CQĐT) đã thu giữ được 02 Bằng tốt nghiệp, 02 Bảng điểm giả (bản chính) và 02 bản sao Bằng tốt nghiệp, 02 bản sao Bảng điểm giả đều mang tên A đã được UBND phường chứng thực “sao đúng với bản chính”. Trong trường hợp này,

có 02 quan điểm về việc tính số lượng tài liệu giả, cụ thể là:

*Quan điểm thứ nhất:* Nguyễn Văn A đã chủ động liên hệ để làm tổng số 04 tài liệu giả (02 Bảng tốt nghiệp, 02 Bảng điểm của 02 người khác nhau), từ tài liệu giả nói trên, A tiếp tục đề nghị chứng thực để làm 04 tài liệu khác có nội dung giả mạo, mục đích làm hồ sơ dự thi tuyển công chức. Như vậy, tổng số tài liệu A đã làm giả là 08 tài liệu. Vì vậy, cần truy tố A theo điểm a khoản 3 Điều 341 BLHS (làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên).

*Quan điểm thứ hai:* Nguyễn Văn A chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 04 tài liệu giả (02 bảng tốt nghiệp và 02 bảng điểm của trường Đại học X); đối với các bản tài liệu giả đã được UBND phường chứng thực “*sao đúng với bản chính*” thực chất được phô tô (sao) từ chính tài liệu giả do A đặt làm; về hình thức, nội dung là giống nhau, nó không được làm giả bằng các phương pháp thông thường. Do đó, áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì không coi đây là tài liệu để tính số lượng tài liệu giả<sup>1</sup>.

*Thứ ba,* vướng mắc trong việc xác định tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức trong mối quan hệ với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Hành vi phổ biến là bị cáo sử dụng giấy tờ giả hoặc làm giả và sử dụng giấy tờ này để gian dối và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng còn những ý kiến khác nhau khi xác định tội danh. Có quan điểm cho rằng bị cáo chỉ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do hành vi

sử dụng giấy tờ giả được thu hút vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đó được coi là thủ đoạn gian dối để đạt được mục đích chiếm đoạt. Quan điểm khác thì cho rằng, bị cáo ngoài tội danh trên còn phải bị xét xử về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” do hành vi sử dụng giấy tờ giả đã cấu thành tội danh độc lập. Có quan điểm nêu, bị cáo phải bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” mới đúng và đầy đủ.

Qua nghiên cứu, theo dõi một số văn bản giải đáp của Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC), Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) và kết quả xử lý, giải quyết một số vụ án mà đối tượng có hành vi sử dụng (không có hành vi làm giả) giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nhằm chiếm đoạt tài sản, chúng ta có thể thấy vẫn còn mâu thuẫn giữa quan điểm của TANDTC và VKSNDTC, giữa quan điểm giải đáp của TANDTC và việc nhận thức, áp dụng pháp luật của Tòa án nhân dân các cấp trên thực tế. Cụ thể:

Tại mục 10 Phần 1 Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019, Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã giải đáp: “*Hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã xâm phạm vào 02 khách thể khác nhau được BLHS bảo vệ (quy định tại Điều 174 và Điều 351 của BLHS), nên nếu hành vi đó có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm thì bị xử lý hình sự về cả tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174) và tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức (Điều 341)*”. Sau khi được hướng dẫn, vẫn còn tồn tại nhiều ý kiến, nhận thức không thống nhất nên ngày 01/10/2019, Hội đồng thẩm phán TANDTC ban hành Công văn số 233/TANDTC-PC nhằm làm rõ nội dung: “*Trường hợp người thực hiện 01*

<sup>1</sup> Nguyễn Minh Nguyệt (2021), *Vướng mắc khi xử lý tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Điều 341 BLHS*. Nguồn truy cập: <https://vksbacgiang.gov.vn/chuyendephapluat/59/11325>, truy cập ngày 06/12/2021

*hành vi nhưng thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội nặng hơn...; Trường hợp người thực hiện nhiều hành vi (chuỗi hành vi) một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian, trong đó, hành vi trước là tiền đề, điều kiện để thực hiện hành vi sau thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về nhiều tội tương ứng với từng hành vi, nếu mỗi hành vi đều có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm”.*

Có thể nhận thấy, xuyên suốt nội dung giải đáp, TANDTC chỉ có ý kiến về trường hợp đối tượng có hành vi làm giả, sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng không giải thích rõ trường hợp đối tượng chỉ có hành vi sử dụng để chiếm đoạt tài sản nên đã dẫn đến việc cơ quan tiến hành tố tụng các cấp sau khi nghiên cứu nội dung đã xử lý đối tượng với hành vi tương tự theo hai tội danh gồm tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Quan điểm này được sự thống nhất của VKSNDTC (mục 2 Công văn số 1648/VKSTC-V7 ngày 27/4/2021 của Vụ 7 trả lời thỉnh thị giải đáp vướng mắc trong giải quyết vụ án hình sự)<sup>2</sup>.

Ngày 07/4/2020, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC ban hành Công văn số 50/TANDTC-PC trả lời vướng mắc đối với Tòa án nhân dân các địa phương, theo đó, đối với trường hợp người có hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể: “Hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức (như sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả...) để chuyển nhượng, mua bán, cầm cố, thế chấp... nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản

*của người khác là dấu hiệu đặc trưng trong mặt khách quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đây cũng là hành vi khách quan của tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Mục 2 Công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp người thực hiện một hành vi phạm tội nhưng thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội nặng hơn. Do đó, trường hợp người có hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì bị xử lý hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 174 của BLHS. Cũng cần lưu ý rằng, trường hợp này khác với trường hợp làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng giấy tờ, tài liệu đó để lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.*

Theo nội dung Công văn trên, TANDTC cho rằng việc sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản chỉ thuộc trường hợp hướng dẫn tại Mục 2 Công văn số 233, tức là một người thực hiện một hành vi phạm tội nhưng thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội nặng hơn, đồng thời cho rằng việc sử dụng giấy tờ, tài liệu giả là dấu hiệu đặc trưng của mặt khách quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Điều này cho thấy, việc xác định hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng có thủ đoạn dùng các giấy tờ giả để gây lòng tin cho bị hại vẫn chưa có nhận thức đồng nhất về việc chỉ xử lý một tội danh hay hai tội danh.

**Thứ tư**, khó khăn, vướng mắc của CQĐT khi chứng minh là giấy tờ, tài liệu giả.

Ngày nay, giấy tờ được làm giả một cách tinh vi với sự hỗ trợ của công cụ, máy móc hiện đại, kể cả những giấy tờ rất quan trọng như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bằng đại học, bằng thạc sĩ cũng có thể làm giả, mà người bình thường rất khó để phát hiện.

<sup>2</sup> Nguyễn Đức Hà (2021), Vẫn còn vướng mắc trong việc xử lý hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nguồn truy cập: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/trao-doi-y-kien/van-con-vuong-mac-trong-viec-xu-ly-hanh-vi-su-dung-giay-to-tai-lieu-gia-de-lua-dao-kiem-doat-tai-san%C2%A0>, truy cập ngày 06/12/2021

Qua thực tiễn giải quyết các vụ án về loại tội này cho thấy, các đối tượng đã giả mạo các trang web, lập Zalo, Facebook ảo để quảng bá làm giấy tờ giả công khai, các đối tượng khai nhận có thể thực hiện tất cả các công đoạn làm giả từ chế tạo phôi bằng cấp, con dấu đến chữ ký, đóng dấu lên tài liệu. Đối tượng sử dụng máy tính làm công cụ và thiết lập các kỹ thuật vi tính, công nghệ cao để làm các giấy tờ giả mà mắt thường, thậm chí máy móc cũng khó có thể phát hiện. Thậm chí, có trường hợp cán bộ Cảnh sát giao thông dùng điện thoại quét mã QR trên một giấy phép lái xe giả, ngay lập tức trên điện thoại hiện lên đầy đủ thông tin của người được cấp giấy phép lái xe giống như thật. Điều đó cho thấy, một số loại giấy tờ giả làm thủ công thì dễ nhận biết nhưng với việc sử dụng công nghệ cao để làm giấy tờ giả thì rất khó phát hiện.

Theo quy định tại Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về đào tạo và cấp giấy phép lái xe, kể từ ngày 01/6/2020, các loại giấy phép lái xe (bằng lái xe) được cấp theo mẫu quy định mới phải được tích hợp mã hai chiều (QR code). Mã QR này được in ở góc trái, mặt sau của giấy phép lái xe bằng thẻ nhựa PET. Việc in mã QR code được thực hiện trên tất cả các loại bằng lái xe hiện nay như: A1, A2, B1, B2, D... Người dân và các tổ chức có thể dễ dàng tự tạo cho mình các mã QR code thông qua các ứng dụng và phần mềm mở trên Internet. Các ứng dụng và phần mềm này có thể dễ dàng chuyển đổi các thông tin mà người dùng muốn hiển thị thành các ký hiệu hai chiều dưới dạng mã QR code. Điều này có thể giải thích vì sao các đối tượng làm bằng lái xe giả có thể dễ dàng tạo ra các mã QR code trong đó chứa đầy đủ các thông tin của người đứng tên trên bằng lái xe giả.

Đồng thời có đối tượng sử dụng thủ đoạn đặc biệt để làm giả giấy tờ tài liệu

từ đó thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ví dụ như: Thông qua các trang web mua, bán bất động sản như: chotot.com, batdongsan.com... đối tượng tìm hiểu thông tin về chủ sở hữu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần bán. Sau đó, các đối tượng liên lạc và giới thiệu bản thân với nhiều tên khác nhau, đóng giả là người đi mua đất, yêu cầu chủ sở hữu chụp ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó gửi hình ảnh cho đối tượng. Sau khi có đầy đủ thông tin của người có tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhóm đối tượng sẽ làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời làm giả các giấy tờ về nhân thân như giả chứng minh nhân dân (CMND) của chủ đất, giả các giấy xác định tình trạng hôn nhân, sổ hộ khẩu. Sau đó, đối tượng cầm đầu trực tiếp lên hệ với chủ đất để hẹn gặp thoả thuận việc mua bán. Quá trình tiếp cận với chủ đất, nhóm đối tượng thường đi từ 02 người để tránh sự nghi ngờ. Sau đó, lợi dụng lúc sơ hở, các đối tượng đã đánh tráo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả chuẩn bị từ trước để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật. Ngay sau khi thoả thuận với chủ đất, đối tượng lấy có sẽ bàn bạc thêm và đặt cọc sau. Khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật, đối tượng cầm đầu sẽ phân công các đối tượng để tìm người có độ tuổi, giới tính phù hợp với chủ đất rồi làm các thủ tục như: Làm giả dấu vân tay, ảnh... Khi có đầy đủ các giấy tờ đã làm giả và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật, nhóm đối tượng sẽ tìm người mua. Bọn chúng sẽ tìm các Văn phòng công chứng để làm hợp đồng chuyển nhượng một cách hợp pháp. Tại các Văn phòng công chứng, các Công chứng viên không đủ phương tiện, kỹ thuật để kiểm tra xem giấy tờ đó là giả hay thật và cũng không kiểm tra kỹ các đối tượng đóng giả chủ đất như CMND, các thông tin về tài sản hoặc các thông tin khác

mà nhanh chóng làm thủ tục công chứng cho các bên. Điều này cho thấy, việc sử dụng giấy tờ giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản rất phổ biến, nhưng trên thực tế để phát hiện ra giấy tờ giả hiện rất khó khăn. Đặc biệt trong bối cảnh việc làm giấy tờ giả ngày càng tinh vi.

*Thứ năm*, quá trình điều tra, thu thập chứng cứ còn nhiều khó khăn, phức tạp.

Tội phạm làm giấy tờ giả đã sử dụng các thuê bao “sim rác” và các tài khoản ảo trên mạng để đăng tải thông tin quảng cáo và tìm kiếm khách hàng. Sau mỗi lần kết nối và thực hiện giao dịch với khách hàng, các đối tượng vứt bỏ sim, xóa tài khoản để tránh bị phát hiện, không bao giờ nghe điện thoại trực tiếp từ khách hàng, mà chỉ trả lời qua tin nhắn. Đối với việc giao hàng, các đối tượng đã gửi “hàng” qua hệ thống chuyển phát nhanh của các công ty dịch vụ hoặc chuyển qua các tuyến xe khách đường dài. Nếu trong phạm vi gần, các đối tượng chuyển “hàng” qua đội ngũ xe ôm công nghệ. Tất cả các dịch vụ này đều đúng như cam kết: “Nhận hàng mới thanh toán tiền”. Đồng thời trong một số vụ việc, bằng cấp, chứng chỉ, giấy tờ giả khác vào thời điểm phát hiện ra vụ việc thì không còn được lưu trữ, dẫn đến rất khó xử lý.

Về việc thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ khó khăn, Kiểm sát viên cần phải phối hợp kịp thời, bám sát các hoạt động điều tra của Điều tra viên, không để tình trạng các đối tượng tiêu huỷ chứng cứ, ngụy tạo chứng cứ giả...

Đối với một số vụ án xảy ra đến khi bị phát hiện thì đối tượng đã kịp thời tiêu huỷ giấy tờ giả, chỉ thu giữ được bản phô tô. Theo Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 quy định các trường hợp bắt buộc phải giám định thì quy định của điều luật chỉ bắt buộc giám định đối với tiền giả, không thấy quy định phải giám định đối với tài liệu, giấy tờ

giả. Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 13/12/2017 quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định: *Khi cần truy nguyên về đồ vật, tài liệu, chữ ký...* Nhưng theo quy định của Bộ Công an thì việc giám định giấy tờ, tài liệu giả phải được thực hiện giám định trên *bản gốc* của tài liệu giả.

Có quan điểm cho rằng nếu không thu giữ được bản gốc, nhưng có bản phô tô, bản phô tô có công chứng, chứng thực; đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác như lời khai nhận tội của đối tượng; Các cơ quan, tổ chức, các cơ sở đào tạo xác định không phát hành loại tài liệu, giấy tờ đó thì không cần phải giám định mà cũng đủ căn cứ xử lý đối với hành vi làm, sử dụng tài liệu, giấy tờ giả theo Điều 341 BLHS năm 2015.

Có quan điểm cho rằng nếu là tài liệu, giấy tờ giả mà không thu giữ được tài liệu gốc, không có kết luận giám định tài liệu, giấy tờ đó là giả hay thật thì không có căn cứ để buộc tội đối với hành vi quy định tại Điều 341 BLHS năm 2015.

**3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức**

*Thứ nhất*, nhận thức chính xác một số vấn đề về xác định tội danh đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức

Theo chúng tôi trong thời gian tới, các Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát giải quyết vụ án về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức cần nhận thức chính xác một số vấn đề về tội danh đối với tội phạm này

một cách thống nhất từ đó có thể xác định được tội danh trong quá trình phê chuẩn các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can cũng như trong việc truy tố đối với các bị can về 02 tội phạm này.

Một là, việc người phạm tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Theo chúng tôi, khi người phạm tội thực hiện một chuỗi các hành vi nhằm đạt được mục đích của mình là chiếm đoạt tài sản, cần tách bạch trong chuỗi các hành vi đó, hành vi nào đã có tính chất nguy hiểm đáng kể phải bị xử lý hình sự, bằng cách định danh pháp lý chính xác từng hành vi đó là tội phạm cụ thể nào hoặc là hành vi nào trong hành vi khách quan tổng thể của tội phạm cụ thể.

Ví dụ như trường hợp người phạm tội sử dụng giấy tờ giả để gian dối chiếm đoạt tài sản, thì ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã được thừa nhận, thì bản thân hành vi sử dụng giấy tờ giả để thực hiện hành vi trái pháp luật đã phản ánh tính nguy hiểm đến mức đáng kể và đã được BLHS quy định cụ thể tại Điều 341. Do vậy, ngoài tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, người phạm tội còn phải bị xét xử về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” mới đảm bảo tất cả các hành vi nguy hiểm được xử lý đầy đủ, triệt để.

Về quan điểm cho rằng, hành vi làm giả, sử dụng giấy tờ giả là thủ đoạn gian dối trong hành vi khách quan của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do đó cần được xác định là đã thu hút vào tội phạm này. Theo chúng tôi, nếu chỉ xác định những hành vi đó là thủ đoạn cấu thành hành vi lừa đảo thì không phản ánh được đầy đủ tính chất nguy hiểm của chúng. Bởi bản thân hành vi làm giả, sử dụng giấy tờ giả nhằm thực hiện hành vi trái pháp luật (chiếm đoạt) đã cấu thành một tội phạm độc lập, thể hiện tính chất nguy hiểm đáng kể đến mức phải

xử lý hình sự mà BLHS đã quy định tại một điều luật về tội phạm cụ thể. Vì vậy nếu thu hút hành vi trên vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” sẽ đồng nghĩa với việc bỏ lọt hành vi nguy hiểm cho xã hội mà đáng ra phải xử lý nghiêm.

Về nguyên tắc: Người phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm về hành vi mà họ đã thực hiện. Theo đó, người phạm tội chỉ có hành vi làm giả giấy tờ thì tương ứng chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội danh “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, người phạm tội chỉ thực hiện hành vi sử dụng giấy tờ giả để thực hiện hành vi trái pháp luật thì chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Theo chúng tôi, khác với các điều luật quy định về các hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán như Điều 191 “Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm” hoặc các Điều luật tương tự tại BLHS, việc tên Điều 341 được thể hiện có dấu “;” ở giữa và từ “Tội” trước mỗi hành vi làm giả và sử dụng tài liệu giả chính là cơ sở pháp lý để các cơ quan tiến hành tố tụng định tội danh tương khớp với hành vi phạm tội trong trường hợp người phạm tội chỉ thực hiện một trong hai hành vi: Làm giả hoặc sử dụng con dấu, tài liệu giả.

Trường hợp người phạm tội thực hiện hai hành vi khách quan cùng được quy định trong một điều luật về tội phạm cụ thể, mà hành vi trước là tiền đề cho hành vi sau, hành vi sau mang tính kế tiếp, gắn bó chặt chẽ với hành vi trước thì cần xác định một tội danh duy nhất bao hàm đồng thời cả hai hành vi này. Việc áp dụng như trên để đồng thời đảm bảo tội danh được tuyên đúng theo quy định của BLHS, phản ánh, bao hàm đầy đủ các hành vi khách quan, đồng thời đảm bảo việc chỉ quyết định một hình phạt với một hành vi khách quan tổng thể mà không gây bất lợi cho bị cáo.

Có thể dẫn chứng như trường hợp bị cáo làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng giấy trên để thế chấp vay ngân hàng thì ngoài tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, cần thiết phải xét xử cả hai hành vi làm giả và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả về một tội danh chung là Tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”, từ đó chỉ quyết định một hình phạt đối với các hành vi này của bị cáo. Tránh trường hợp người tiến hành tố tụng tách bạch hai hành vi trên thành hai tội danh “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, từ đó quyết định hai hình phạt và tổng hợp lại gây bất lợi cho bị cáo, và theo chúng tôi là áp dụng chưa đúng tinh thần điều luật cụ thể chỉ quy định một loại tội phạm cụ thể, mà không phải đưa hai tội phạm cụ thể về trong cùng một điều luật.

Theo chúng tôi, để thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật đối với những vụ án tương tự, cần cụ thể trong từng vụ án:

Trường hợp bị cáo chỉ có hành vi làm giả để cung cấp cho đối tượng khác sử dụng thực hiện hành vi trái pháp luật, bị cáo bị truy tố, xét xử về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Trường hợp bị cáo chỉ có hành vi sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả (không có hành vi làm giả) để thực hiện hành vi trái pháp luật thì bị truy tố, xét xử về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Trường hợp bị cáo có hành vi làm giả, sau đó sử dụng giấy tờ giả này để thực hiện hành vi trái pháp luật cần bị truy tố, xét xử về tội danh đầy đủ là “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Trường hợp bị cáo có hành vi sử dụng giấy tờ giả để gian dối chiếm đoạt tài sản, thì cần bị truy tố, xét xử về hai tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Trường hợp bị cáo có các hành vi làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu giả này để gian dối chiếm đoạt tài sản, thì cần bị truy tố, xét xử về hai tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Hai là, nhận thức chính xác về cụm từ “*thực hiện hành vi trái pháp luật*” được quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS.

Theo chúng tôi yếu tố “*thực hiện hành vi trái pháp luật*” quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chỉ gắn với hành vi “*sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả*”, không gắn với hành vi “*làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Do vậy, hành vi “*làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” không bắt buộc phải gắn với yếu tố “*thực hiện hành vi trái pháp luật*” thì cũng có thể bị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

“*Hành vi trái pháp luật*” quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được hiểu là hành vi trái pháp luật nói chung (kể cả pháp luật hình sự, pháp luật dân sự, pháp luật hành chính...). Trường hợp trái pháp luật hình sự, đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì bị xử lý theo quy định tại điểm d khoản 2 (*sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng*) hoặc điểm b khoản 3 (*sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*) Điều 341 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

**Thứ hai**, xác định số lượng con dấu, tài liệu giả để xác định tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 2 hoặc khoản

3 Điều 341 BLHS.

Đối với loại tài liệu giả ví dụ giấy khám sức khỏe của bệnh viện nhưng được làm giả với số lượng lớn thì xác định mỗi giấy khám sức khỏe giả là một loại tài liệu giả hay tất cả giấy là một loại tài liệu giả thì vẫn có các quan điểm khác nhau. Theo chúng tôi, trường hợp đối tượng làm giả một bộ tài liệu giả, bao gồm giấy vào viện, giấy ra viện, sổ khám bệnh, bản sao bệnh án thì phải bị coi là làm nhiều giấy tờ giả để định khung hình phạt mà không phụ thuộc vào việc làm cho một người, hay chỉ có một mục đích, việc xử lý như trên là phù hợp với quy định của điều luật và thực tiễn đấu tranh loại tội phạm này.

Đối với trường hợp bản sao các giấy tờ giả là bằng tốt nghiệp, bằng điểm, chứng chỉ... Cần xác định về bản chất, bản chính đã là tài liệu giả thì các bản tài liệu được sao từ bản chính đó mặc dù đã được cơ quan có thẩm quyền chứng thực “*sao đúng với bản chính*” thì vẫn phải coi là tài liệu giả (có nội dung giả tạo); Điều 341 BLHS chỉ quy định về *số lượng* giấy tờ, tài liệu giả, không quy định về *loại* giấy tờ, tài liệu giả nên các tài liệu được xác định là giả thì được cộng theo số học. Theo Luật Công chứng năm 2014 và thực tiễn cho thấy, các bản sao đã được chứng thực “*sao đúng với bản chính*” một cách hợp pháp thì có giá trị tương đương với bản chính, tài liệu gốc, có thể sử dụng để thay cho bản chính, tài liệu gốc; việc người phạm tội trực tiếp đem bằng tốt nghiệp và bằng điểm giả đến UBND phường chứng thực “*sao đúng với bản chính*” với số lượng 04 bản cũng là hành vi làm giả tài liệu và người phải chịu trách nhiệm về số lượng tài liệu giả này.

**Thứ ba**, đối với trường hợp không thu giữ được giấy tờ giả bản gốc các cơ quan tố tụng cần thực hiện theo nguyên tắc, trường hợp không thu giữ được bản gốc tài liệu, giấy tờ giả nhưng có bản phô tô, bản phô

tô có công chứng, chứng thực; đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác như lời khai nhận tội của đối tượng; Các cơ quan, tổ chức xác định không phát hành loại tài liệu, giấy tờ đó (*như trường Đại học có công văn trả lời: Không có học viên đó học tại trường, trường không phát hành, cấp bằng tốt nghiệp cho học viên đó...*) thì không cần phải giám định mà cũng đủ căn cứ xử lý đối với hành vi làm, sử dụng tài liệu, giấy tờ giả theo Điều 341 BLHS năm 2015.

**Thứ tư**, về thực tiễn cần nâng cao chất lượng công tác điều tra, xử lý tội phạm trong hoạt động thu thập, xử lý thông tin tài liệu phản ánh về tội phạm làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, giấy tờ giả. Sử dụng tốt hệ thống mạng lưới thông tin trinh sát để phát hiện thông tin kịp thời. Sau khi đã tiếp nhận tin báo, phải nhanh chóng xác minh, thu thập tài liệu, củng cố chứng cứ buộc tội bằng những hoạt động như: Xác minh qua người báo tin, bị hại, người làm chứng, lấy lời khai ban đầu, khám xét... tránh để đối tượng tiêu hủy tài liệu chứng cứ cũng như tẩu tán tài sản có được từ hoạt động phạm tội.

**Thứ năm**, cần thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp giữa CQĐT, Viện kiểm sát trong việc điều tra các vụ án mà đối tượng phạm tội mang tính có tổ chức. Phối hợp với các lực lượng trong và ngoài Ngành, các ngành thông tin đại chúng để cập nhật kịp thời và tuyên truyền cho nhân dân, mang lại hiệu quả cao trong công tác phòng ngừa tội phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức. Thông qua công tác phối hợp này để chủ động phát hiện sớm tội phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức cũng như xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật./